

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HS - ST

Ngày 11/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quân và bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ; Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 198/2017/HSST, ngày 20 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2017/HSST- QĐ ngày 15/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2017/HSST- QĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn L; tên gọi khác: L.

Sinh ngày 02/5/1982, tại thành phố P, tỉnh N; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 70, khu T, phường Đ, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1955 và bà Tống Thị S, sinh năm: 1955; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986 và hai con, con lớn sinh năm 2006, con bé sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: - Ngày 27/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh N, xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Ngày 11/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Bắt người trái pháp luật”;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Anh Trần Vũ C; Sinh năm: 1985.

Nơi đăng ký HKTT tại: Tổ 52, khu S, phường Đ, thành phố P, tỉnh N, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Tống Tiến T; Sinh năm: 1989; Nơi đăng ký HKTT tại: Tổ 9, khu S, phường S, thành phố P, tỉnh N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 28/4/2017 tại tổ 52, khu S, phường Đ, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Văn L đã có hành vi mượn một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 14U1- 118.75 trị giá 12.433.800đ của anh Trần Vũ C rồi đem cầm cố cho anh Tống Tiến T được 5.000.000đ để chi tiêu cá nhân.

Vật chứng thu giữ trong vụ án là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 14U1- 118.75 tại hiệu cầm đồ của anh Tống Tiến T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe trên cho anh Trần Vũ C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 68/BB- HĐĐGTS ngày 03/7/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P, kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển số đăng ký 14U1 - 118.75, xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2013, trị giá là 12.433.800 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận: L và C là bạn, không có mâu thuẫn. Ngày 28/4/2017, L mượn xe của C để đi làm ở hội chợ, C đồng ý. Sau khi mượn được xe L điều khiển xe đi làm đến ngày 01/5/2017, L mang xe đến hiệu cầm đồ T của anh Tống Tiến T cầm cố được 5.000.000đồng. Số tiền này L đã chi tiêu cá nhân hết. Nhiều lần C gặp L đòi xe, L đã cho C biết việc cầm xe và hẹn sau khi nhận được tiền công làm ở hội chợ sẽ chuộc xe về trả. Nhưng sau đó L đã không chuộc xe trả cho C. Bản thân L còn khai nhận đã hai lần bị xét xử là: Ngày 27/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và ngày 11/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Bắt người trái pháp luật”. Bị cáo thấy Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử hành vi làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội, không oan.

Người bị hại anh Trần Vũ C tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện: C với L là anh em quen biết, không có mâu thuẫn. Ngày 28/4/2017, C cho L mượn xe mô tô Yamaha Sirius BKS 14U1- 118.75 để đi làm ở

hội chợ. Sau đó nhiều lần C đòi xe nhưng L cố tình không trả. Ngày 01/5/2017 L cho C biết đã cầm cố xe hẹn ba ngày sau sẽ trả. Đến ngày 05/5/2017, không thấy L trả xe nên C đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an. Quá trình điều tra, Công an đã thu hồi xe trả lại cho C nên đến nay C không yêu cầu về bồi thường và xin giảm nhẹ mức án cho L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tống Tiến T tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa có lời khai phù hợp: T quen biết L, không có mâu thuẫn. Ngày 01/5/2017, L điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius BKS 14U1- 118.75 đến cửa hàng cầm đồ T bảo đây là xe của L và đang rất cần tiền nên muốn cầm xe trong mấy ngày. Vì là chỗ quen biết nên mặc dù xe không có giấy tờ, T vẫn đồng ý cầm xe để cho L vay số tiền 5.000.000đ, không viết giấy, không tính lãi hẹn khoảng 1 tuần phải đến lấy. L có để lại Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn L. Ngày 15/6/2017, T được cơ quan Công an thông báo đó là chiếc xe liên quan đến hành vi phạm tội nên đã tự nguyện giao nộp cho Công an. Ngày 17/6/2017, L đã trả lại cho T số tiền 5.000.000đ. Đến nay T không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường.

Người làm chứng anh Trần Phi H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện: Ngày 01/5/2017, H cùng C đang đi đến cổng Trường trung học cơ sở Q thì gặp L, thấy C đòi xe thì L hứa ba ngày nữa sẽ trả. Sau đó vì L không trả xe nên C đã rủ H đến nhà L giải quyết việc L mượn xe. H quen biết C, L và không có mâu thuẫn.

Tại bản cáo trạng số: 205/KSĐT-HS, ngày 17/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Nguyễn Văn L tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên trình bày luận tội; đưa ra các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị HĐXX kết tội bị cáo Nguyễn Văn L theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng: Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề xuất mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Tống Tiến T là người cầm cố chiếc xe mô tô BKS 14U1- 118.75 nhưng không biết tài sản do Nguyễn Văn L phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm, Công an thành phố P đã quyết định xử phạt hành chính.

Tại phần tranh luận, bị cáo L không tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khẳng định việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa như: Đơn trình báo; biên bản tiếp nhận tố giác tin báo về tội phạm; biên bản tạm giữ đồ vật; kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 68/BB- HĐĐGTS ngày 03/7/2017; biên bản xác định địa điểm; bản ảnh xác định địa điểm; bản ảnh vật chứng; bản luận tội của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa. Với các chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 28/4/2017, tại tổ 52, khu S, phường Đ, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Văn L đã có hành vi mượn một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 14U1 - 118.75, trị giá 12.433.800đ, của anh Trần Vũ C, rồi đem cầm cố cho anh Tống Tiến T, được 5.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng việc làm của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng coi thường pháp luật, thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác. Lợi dụng lòng tin của người quen biết, bị cáo mượn xe để sử dụng sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt nên mang xe cầm cố lấy tiền ăn tiêu dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi của bị cáo L đã thỏa mãn dấu hiệu và đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị xét xử đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 27/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 11/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Bắt người trái pháp luật”; Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật mà cải tạo, giáo dục thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần tuyên truyền giáo dục pháp luật, nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động phòng ngừa tội phạm trong quần chúng nhân dân.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của anh Trần Vũ C trước khi được hưởng án treo theo bản án số: 63/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh N, do đó căn cứ Điều 7 Nghị quyết số: 01/2013/NQ - HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân thành phố P, quyết định hình phạt đối với tội phạm “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đồng thời phải chấp hành hai bản án. Việc thi hành án trong trường hợp này do các cơ quan được giao trách nhiệm thi hành án hình sự phối hợp thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Luật thi hành án hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền, xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu hồi được chiếc xe mô tô Yamaha Sirius 14U1- 118.75 trả cho người bị hại. Người bị hại anh Trần Vũ C không yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tống Tiến T đã được bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đ, anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh N;
- TAND tỉnh N;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADSTP P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án- Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trọng Hiệp

